TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 65/2026/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 31 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 104/2026/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2026 giữa:

-Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị Hồng H**, sinh năm 1986; Căn cước số 019186008959; địa chỉ: Tổ dân phố I, phường B, tỉnh Thái Nguyên.

-Bị đơn: Anh **Nông Văn B**, sinh năm 1984; Căn cước số 006084003966; địa chỉ: thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị Hồng H và anh Nông Văn B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Hồng H và anh Nông Văn B thuận tình ly hôn.

2.2.Về con chung: Giao con chung tên là Nông Xuân T, sinh ngày 22/9/2019, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường cho chị Vũ Thị Hồng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3.Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Nông Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con chung tên là Nông Xuân T, sinh ngày 22/9/2019 định kỳ mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Vũ Thị Hồng H tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000388 ngày 23 tháng 7 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên, chị Vũ Thị Hồng H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Nông Văn B phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí không có giá ngạch đối với phần cấp dưỡng định kỳ để sung công quỹ Nhà nước.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 và 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02b);
- VKSND khu vực 7 - Thái Nguyên (02b);
- Phòng THADS khu vực 7 - Thái Nguyên (01b);
- TAND tỉnh Thái Nguyên + Biên bản ghi nhận (01b);
- UBND xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên (Nơi ĐKKH 01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu Vp.

THẨM PHÁN

Tạ Văn Tư